

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THẠNH TRỊ
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 17/2024/DS-ST
Ngày: 25-3-2024
V/v: Tranh chấp Hợp đồng
vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH TRỊ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Luân

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Thanh Hải
- Ông Ngô Văn Tân

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Huỳnh Ni – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên Tòa: Ông Nguyễn Văn Cường - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 12 và 25 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 171/2023/TLST-DS, ngày 24 tháng 11 năm 2023 về “Tranh chấp Hợp đồng đặt cọc và mua bán tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2024/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 02 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Danh Thanh H, sinh năm: 1982; địa chỉ: ấp V, xã V, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Lâm Thị Hằng N; địa chỉ: Số A, Ấp C, thị trấn P, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. Đại diện theo văn bản ủy quyền ngày 13-10-2023 (có mặt).

- Bị đơn: Ông Thạch T, sinh năm 1991; địa chỉ: ấp S, thị trấn H, huyện T, tỉnh Sóc Trăng (có mặt ngày 12-3-2024, vắng mặt ngày 25-3-2024).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Lư Thị Như H1, sinh năm 1992; địa chỉ: ấp S, thị trấn H, huyện T, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 13-10-2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ông Danh Thanh H có đặt cọc mua lúa và bán phân bón cho vợ chồng ông Thạch T và bà Lư Thị Như H1 nhiều lần, sau khi chót nợ thì ông Thạch T có viết giấy nhận nợ ngày 10-5-2023 với nội dung: ông Thạch T và vợ là Lư Thị Như H1

còn thiếu tiền đặt cọc mua lúa và tiền phân bón của ông Danh Thanh H tổng cộng là 340.000.000 đồng (Ba trăm bốn mươi triệu đồng). Ông T hứa đến ngày 25-5-2023 sẽ trả cho ông H số tiền 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng), số tiền còn lại sẽ trả sau 15 ngày. Nhưng đến ngày 14-6-2023, ông T chỉ mới thanh toán cho ông H được số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng), còn nợ lại số tiền 290.000.000 đồng (Hai trăm chín mươi triệu đồng) đến nay ông T và bà H1 vẫn không thanh toán cho ông H.

Do vậy, ông Danh Thanh H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Thạch T và bà Lư Thị Như H1 có trách nhiệm liên đới trả cho ông Danh Thanh H toàn bộ số tiền đặt cọc mua lúa và tiền phân bón còn nợ là 290.000.000 đồng (Hai trăm chín mươi triệu đồng).

** Trong quá trình giải quyết vụ án, tại Biên bản ghi lời khai ngày 25-01-2024, bị đơn ông Thạch T trình bày:*

Vào năm 2022 và 2023, ông T có đứng ra thu mua lúa và bao tiêu cho các hộ dân ở địa phương nên ông T có nhận cọc và nhận mua phân bón của ông Danh Thanh H. Sau khi chót nợ vào tháng 5-2023 thì ông T còn nợ ông H tổng số tiền là 340.000.000 đồng (Ba trăm bốn mươi triệu đồng). Ông T có cam kết trả cho ông H, nhưng do hoàn cảnh khó khăn nên ông T chỉ mới trả được 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng). Ông T thống nhất còn nợ ông H tổng số tiền cọc mua lúa, tiền phân bón và tiền lãi là 290.000.000 đồng (Hai trăm chín mươi triệu đồng), trong đó tiền lãi là 30.000.000 đồng, tiền cọc mua lúa và phân bón là 260.000.000 đồng. Số tiền nợ đặt cọc mua lúa và phân bón của ông H là do ông T tự đứng ra làm ăn không có liên quan đến vợ của ông T. Do vậy, ông T đồng ý trả số tiền này cho ông H nhưng do hoàn cảnh khó khăn nên ông T yêu cầu ông H cho ông T thanh toán số tiền nợ thành nhiều đợt cho đến khi hết nợ.

** Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lư Thị Như H1: Trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho bà H1 tại nơi cư trú do ông T là chồng nhận thay. Nhưng kể từ khi thụ lý vụ án, bà H1 không nộp văn bản nêu ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Tòa án triệu tập tham gia tố tụng nhiều lần nhưng không đến tham gia tố tụng.*

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Lâm Thị Hằng N trình bày nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, cụ thể: Ông H yêu cầu buộc ông Thạch T và bà Lư Thị Như H1 có trách nhiệm liên đới trả cho ông Danh Thanh H toàn bộ số tiền đặt cọc mua lúa và tiền phân bón còn nợ là 290.000.000 đồng (Hai trăm chín mươi triệu đồng).

Bị đơn ông Thạch T trình bày: Ông T thống nhất còn nợ ông H tổng số tiền cọc mua lúa, tiền phân bón và tiền lãi là 290.000.000 đồng (Hai trăm chín mươi triệu đồng), trong đó tiền lãi là 30.000.000 đồng, tiền cọc mua lúa và phân bón là 260.000.000 đồng. Số tiền nợ đặt cọc mua lúa và phân bón của ông H là do ông T tự đứng ra làm ăn không có liên quan đến bà H1 vì ông T và bà H1 sống chung như vợ chồng không có đăng ký kết hôn. Do vậy, ông T đồng ý trả số tiền này cho ông H nhưng do hoàn cảnh khó khăn nên yêu cầu ông H cho ông T thanh toán số tiền nợ thành nhiều đợt cho đến khi hết nợ.

Tại Biên bản ghi lời khai ngày 15-3-2024, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Lư Thị Như H1 trình bày: Bà H1 và ông T có tổ chức đám cưới và sống chung như vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn, từ năm 2021 đến cuối năm 2023 thì bà H1 và ông T không còn sống chung. Trong thời gian sống chung thì bà H1 có biết ông T đứng ra mua bán lúa với ông H, nhưng bà H1 không biết rõ cụ thể, chỉ nhớ vào khoảng năm 2022 – 2023 có lần ông T mượn tài khoản ngân hàng của bà H1 để cho ông H chuyển số tiền 50.000.000 đồng, sau đó ông T tự rút ra hết, mục đích làm gì bà H1 không biết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật và quan điểm giải quyết vụ án như sau:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa hôm nay là đúng, đầy đủ theo quy định pháp luật tố tụng. Các đương sự kể từ khi thụ lý vụ án chấp hành nghiêm theo giấy triệu tập của Tòa án. Bị đơn ông Thạch T và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Lư Thị Như H1 chấp hành chưa nghiêm giấy triệu tập của Tòa án

- Về quan điểm giải quyết vụ án, xét giấy nhận nợ ngày 10-5-2023 và trên cơ sở thống nhất và đồng ý trả toàn bộ số tiền đặt cọc và mua bán phân bón của ông T tại phiên tòa, đồng thời qua xem xét lời khai của bà H1 và các chứng cứ tại các ủy nhiệm chỉ ngày 19-01-2023 và 27-01-2023 thì nguyên đơn ông H yêu cầu ông T và bà H1 phải có nghĩa vụ liên đới trả số tiền cọc lúa và mua phân bón là 290.000.000 đồng (Hai trăm chín mươi triệu đồng) là có cơ sở. Căn cứ các điều 116, 288, 328, 430 và 440 của Bộ luật Dân sự năm 2015, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc ông T và bà H1 phải có nghĩa vụ liên đới trả cho ông H tổng số tiền cọc lúa và mua phân bón là 290.000.000 đồng (Hai trăm chín mươi triệu đồng). Về án phí, bị đơn ông T và người liên quan bà H1 phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng, theo đơn khởi kiện ông H yêu cầu ông T và bà H1 liên đới trả lại tiền đặt cọc mua lúa và tiền mua phân bón nên quan hệ pháp luật tranh chấp xác định là tranh chấp Hợp đồng đặt cọc và mua bán tài sản. Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lư Thị Như H1 đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Sau khi tạm ngừng phiên tòa, bị đơn ông Thạch T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lư Thị Như H1 đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án vắng mặt ông T và bà H1.

[2] Về nội dung yêu cầu khởi kiện: Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và bị đơn ông T đều thống nhất trình bày: Vào năm 2022 và 2023, ông H có đặt cọc mua lúa và bán phân bón cho ông T, sau khi chột nợ thì ông T có viết giấy nhận nợ ngày 10-5-2023 với nội dung: ông T và vợ là Lư Thị Như H1 còn thiếu tiền đặt cọc mua lúa và tiền phân bón của ông H tổng cộng là 340.000.000 đồng (Ba trăm bốn mươi triệu đồng), ông T hứa đến ngày 25-5-2023 sẽ trả cho ông H số tiền 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng), số tiền còn lại sẽ trả sau 15 ngày. Nhưng đến ngày 14-6-2023, ông T chỉ mới thanh toán cho ông H được số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng), còn nợ lại số tiền 290.000.000 đồng (Hai trăm chín mươi triệu đồng). Đây là tình tiết, sự kiện không cần phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đồng thời, đối chiếu với Giấy nhận nợ ngày 10-5-2023, tại dưới mục “người viết” có chữ ký tên của ông Thạch T. Từ đó, Hội đồng xét xử xác định ông Thạch T còn nợ ông Danh Thanh H số tiền hụi là 290.000.000 đồng (Hai trăm chín mươi triệu đồng) là đúng sự thật.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn ông H về việc buộc ông T và bà H1 phải có nghĩa vụ liên đới trả nợ thì thấy rằng: Tại Biên bản ghi lời khai ngày 25-01-2024 và tại phiên tòa ngày 12-3-2024, bị đơn ông T trình bày việc nhận tiền cọc mua lúa của ông H là do ông T tự đứng ra làm ăn, còn việc mua phân bón của ông H là để bán cho các hộ dân bao tiêu mua lúa, nên số tiền nợ ông H không liên quan đến bà H1 vì giữa ông T và bà H1 sống chung như vợ chồng không có đăng ký kết hôn. Qua xem xét Biên bản xác minh ngày 15-3-2024 tại Ủy ban nhân dân thị trấn H; Biên bản ghi lời khai của bà H1 ngày 15-3-2024 và các Ủy nhiệm chi ngày 19-01-2023 và 27-01-2023 do nguyên đơn giao nộp thì có căn cứ xác định bà H1 và ông T tự nguyện tổ chức đám cưới và sống chung như vợ chồng từ năm 2021 đến cuối năm 2023, mặc dù không có đăng ký kết hôn nhưng theo tập quán địa phương được nhiều người thừa nhận là vợ chồng; trong thời gian sống chung bà H1 có biết ông T giao dịch mua bán lúa với ông H và có dùng tài khoản ngân hàng cá nhân để cho ông H chuyển tiền cọc mua lúa. Mặt khác, tại phiên tòa ngày 12-3-2024, bị đơn ông T thừa nhận lợi nhuận của việc mua bán lúa có một phần ông T sử dụng vào chi tiêu sinh hoạt gia đình trong thời gian sống chung như vợ chồng với bà H1. Căn cứ vào Điều 16 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và các điều 116, 288, 328, 430 và 440 của Bộ luật Dân sự năm 2015, thì việc ông H yêu cầu ông T và bà H1 liên đới trả số tiền còn nợ 290.000.000 đồng (Hai trăm chín mươi triệu đồng) là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Xét về thời hạn và phương thức thực hiện nghĩa vụ trả nợ, theo khoản 1 Điều 278 của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: “*Thời hạn thực hiện nghĩa vụ do các bên thỏa thuận, theo quy định của pháp luật hoặc theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền*”. Nhưng trong quá trình giải quyết vụ án, giữa các đương sự không thỏa thuận được với nhau về phương thức trả nợ, thời gian trả nợ. Mặt khác, theo thỏa thuận tại Giấy nhận nợ ngày 10-5-2023 thì thời hạn trả nợ hiện nay đã quá hạn nên bị đơn ông T và người liên quan bà H1 phải có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ số tiền còn nợ một lần khi ông H có yêu cầu.

[5] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và

khoản 2 Điều 26 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, ông H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được hoàn lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp; bị đơn ông T và người liên quan bà H1 phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 14.500.000 đồng (Mười bốn triệu, năm trăm nghìn đồng).

[6] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Trị phát biểu quan điểm giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 92; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; 328, 430 và 440

Căn cứ vào các điều 116, 278, 288, 328, 430 và 440 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 16 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 2 Điều 26 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Danh Thanh H.

Buộc ông Thạch T và bà Lư Thị Như H1 có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho ông Danh Thanh H tổng số tiền là 290.000.000 đồng (Hai trăm chín mươi triệu đồng).

2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của ông Danh Thanh H cho đến khi thi hành án xong, ông Thạch T và bà Lư Thị Như H1 còn phải liên đới chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Thạch T và bà Lư Thị Như H1 phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 14.500.000 đồng (Mười bốn triệu, năm trăm nghìn đồng).

- Hoàn trả cho ông Danh Thanh H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.250.000 đồng (Bảy triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng), theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000416 ngày 21 tháng 11 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Thạnh Trị;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Trị;
- Lưu: HSPA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Nguyễn Minh Luân
(Đã ký)**